

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

<u>Mục lục</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty TNHH PVChem - Tech (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty

Công ty TNHH PVChem - Tech là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109467561 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/12/2020. Trước đó, vào ngày 08/10/2020 Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP là công ty mẹ đã ban hành Quyết định số 1498/QĐ-PVChem thành lập công ty con là Công ty TNHH PVChem – Tech được tái cấu trúc và có trách nhiệm kế thừa, tiếp nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ đối với lao động, tài sản, tài chính, các hợp đồng kinh tế... từ Chi nhánh Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP – Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ kỹ thuật (PVChem – RT).

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp ngày 24/12/2020 là: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Thông tin về chủ sở hữu Công ty

Chủ sở hữu: Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Ban Giám đốc Công ty

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty TNHH PVChem - Tech đã điều hành Chi nhánh trong giai đoạn báo cáo và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ An	Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 13/5/2021
Ông Phan Công Thành	Giám đốc	Thôi kiêm nhiệm từ ngày 13/5/2021
Ông Đỗ Thành Trung	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2021
Ông Nguyễn Kim Mạnh Hoàng	Phó Giám đốc	

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Quyền lợi của Ban Giám đốc

Trong kỳ hoạt động, ngoài những khoản thu nhập theo quy định của Công ty, Ban Giám đốc Công ty không nhận bất kỳ khoản thu nhập nào khác và không có bất kỳ sự dàn xếp nào có lợi riêng cho các thành viên trong

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Giám đốc.

Công bố Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ FICI

Trụ sở chính: Tầng 8 Tòa CEO Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam
VP Giao dịch: Đội 9, Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội
Hotline: 0369 601 668 * **Website:** fici.vn * **Email:** kiemtoanfici@gmail.com

Số: 02/2022-BCKT/FICI/PVCHEM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
của Công ty TNHH PVCHEM - TECH

Kính gửi : **Chủ sở hữu và Ban Giám đốc**
CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH PVChem - Tech (sau đây được gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH PVChem – Tech tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐỊNH GIÁ FICI

Phó Giám đốc



Lê Minh Hải

GCN Đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3397-2020-331-1

Kiểm toán viên

Dương Thị Thuận

GCN Đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2527-2018-331-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.418.807.274	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.021.601.274	-
1. Tiền	111	V.1.	4.021.601.274	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1.	2.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.400.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	7.400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.667.858.135	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	27.222.518.457	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	630.695.205	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	21.814.644.473	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.023.358.944	-
1. Hàng tồn kho	141	V.6.	4.023.358.944	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		305.988.921	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.	305.988.921	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		853.667.696	-
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		208.781.760	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	208.781.760	-
II. Tài sản cố định	220		458.551.654	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	413.551.654	-
- Nguyên giá	222		564.152.064	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(150.600.410)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	45.000.000	-
- Nguyên giá	228		60.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(15.000.000)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		186.334.282	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	186.334.282	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		68.272.474.970	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		37.319.392.263	-
I. Nợ ngắn hạn	310		37.319.392.263	-
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	31.820.509.523	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	1.611.142.883	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	1.155.080.804	-
4. Phải trả người lao động	314		429.034.452	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	2.265.833.182	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	37.791.419	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.953.082.707	-
I. Vốn chủ sở hữu	410		30.953.082.707	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15.	30.000.000.000	-
- Vốn đầu tư	4111		30.000.000.000	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		953.082.707	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		953.082.707	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.272.474.970	-

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Laor
Ta Thị Trinh

Hoàng Tiến Thành



VŨ AN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

MẪU B02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	01	VI.1.	90.134.337.415	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và và cung cấp dịch vụ	10		90.134.337.415	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	86.689.439.852	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.444.897.563	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	799.512.061	-
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	1.272.358.337	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.972.051.287	-
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.4.	61.083.023	-
13. Lợi nhuận khác	40		(61.083.023)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.910.968.264	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8.	407.885.557	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.503.082.707	-

Người lập

le 2
Tạ Thị Kinh

Kế toán trưởng

Hùng
Hoàng Tiến Thành

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Giám đốc



VŨ AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2021

MẪU B03-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.910.968.264	-
2. Điều chỉnh cho các khoản			(138.019.731)	-
- Khấu hao TSCĐ	02		165.600.410	
- Các khoản dự phòng	03		-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(303.620.141)	
- Chi phí lãi vay	06		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.772.948.533	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.876.639.895)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.023.358.944)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		36.992.351.417	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(492.323.203)	
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(80.844.711)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.401.888.277	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.305.978.526)	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác	21		(60.000.000)	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.400.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		303.620.141	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.156.379.859)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		27.033.959.659	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.550.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.483.959.659	-

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ
Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2021

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.021.601.274	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.1.	6.021.601.274	-

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Người lập

Le 2
Le Thị Trinh

Kế toán trưởng

Vũ An
Hoàng Tiên Thành



Giám đốc

Vũ An
VŨ AN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃ SỐ B 09-DN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH PVChem - Tech là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0109467561 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 24/12/2020. Trước đó, vào ngày 08/10/2020 Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP là công ty mẹ đã ban hành Quyết định số 1498/QĐ-PVChem thành lập công ty con là Công ty TNHH PVChem – Tech được tái cấu trúc và có trách nhiệm kế thừa, tiếp nhận toàn bộ quyền và nghĩa vụ đối với lao động, tài sản, tài chính, các hợp đồng kinh tế... từ Chi nhánh Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP – Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ kỹ thuật (PVChem – RT).

Công ty có trụ sở chính tại: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp ngày 24/12/2020 là: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Cung cấp giải pháp, sản phẩm, dịch vụ chống ăn mòn công trình công nghiệp; - Nghiên cứu chuyên giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu và các dịch vụ dầu khí khác; - Đánh giá tác động môi trường và đưa ra các biện pháp xử lý môi trường; Xử lý môi trường và chuyển giao công nghệ xử lý môi trường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: - Mua bán thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp và dân dụng; - Mua bán thiết bị và dụng cụ đo lường;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh khí đốt và các sản phẩm từ khí đốt, nhiên liệu sinh học; Xăng, dầu Diesel, dầu đốt nóng, dầu hỏa, dầu nhờn và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: - Kinh doanh hoá chất công nghiệp; - Kinh doanh các hoá chất (trừ loại Nhà nước cấm), hoá phẩm, nguyên vật liệu và các thiết bị, máy móc phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa, chế biến dầu khí và các ngành kinh tế khác; - Kinh doanh vật liệu phục vụ các ngành công nghiệp; - Kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công xây dựng phục vụ ngành công nghiệp dầu khí, công nghiệp điện và các ngành kinh tế khác; - Bán buôn ga công nghiệp: oxy, hydro, nitơ, H₂O₂ và các loại khí khác. - Kinh doanh các loại phân bón sản xuất trong và ngoài nước; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt nhựa Polypropylen, PE, HDPE, LDPE, LLDPE và các sản phẩm khác có liên quan; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; nguyên phụ liệu, bao bì cho ngành dệt may; - Bán buôn nhựa đường và các loại nguyên liệu hóa chất phụ gia sản xuất nhựa đường; - Kinh doanh phụ gia cho dung dịch khoan; - Mua bán trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy; - Mua bán trang phục, dụng cụ bảo hộ lao động;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đầu giá) Chi tiết: - Xuất nhập khẩu hàng hóa hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm, thiết bị, nguyên liệu, vật tư phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí, phục vụ xử lý, chống ô nhiễm môi trường và các ngành công nghiệp khác; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: - Dịch vụ phân tích, thí nghiệm dung dịch khoan và các hóa phẩm trong thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa dầu khí; Dịch vụ phân tích, kiểm định, giám định các sản phẩm dầu mỏ; - Dịch vụ phân tích, kiểm tra đánh giá ăn mòn kim loại;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác. Chi tiết: Lập đề án tìm kiếm thăm dò khoáng sản; Thi công tìm kiếm, thăm dò khoáng sản;
- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất các loại hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm nguyên liệu và các thiết bị phục vụ cho nghiên cứu chuyển giao công nghệ, dịch vụ gia tăng tuổi thọ công trình, dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu, thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến dầu khí và các ngành công nghiệp khác;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. Cơ sở lập Báo cáo tài chính, Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MÃU SỐ B 09-DN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***2. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính năm.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản, và việc trình bày các khoản công nợ, tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:**5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian</u>
- Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07 năm
- Phần mềm kế toán	03 - 05 năm

Trong năm 2021 đơn vị đã mua sắm một số tài sản cố định đã qua sử dụng phục vụ cho sản xuất kinh doanh và xác định thời gian sử dụng còn lại, tính và trích khấu hao theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

6.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6.3. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

7. Các khoản phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo này để đảm bảo các khoản chi trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh. Các khoản chi phí này được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

12. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là khoản thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 14% (Do doanh nghiệp năm đầu tiên hoạt động và đạt mức doanh thu dưới 200 tỷ đồng) và các quy định về thuế khác có liên quan.

14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết.
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền	31/12/2021	01/01/2021
	(VNĐ)	(VNĐ)
1.1. Tiền mặt tại quỹ	17.858.122	-
1.2. Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)	4.003.743.152	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	132.586.276	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch	3.503.260.214	
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hai Bà Trưng	10.042.877	
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	357.853.785	
1.3. Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn: Từ 3 tháng trở xuống	2.000.000.000	-
Cộng (1)	6.021.601.274	-
2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2021	01/01/2021
	(VNĐ)	(VNĐ)
2.1. Chứng khoán kinh doanh	-	-
2.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.400.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn: Trên 3 tháng	7.400.000.000	
Cộng (2)	7.400.000.000	-
3. Phải thu khách hàng	31/12/2021	01/01/2021
	(VNĐ)	(VNĐ)
3.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	27.222.518.457	-
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Petrotech	5.814.038.622	
- Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Tín Nghĩa	2.323.280.246	
- Công ty Cổ phần Gạch Granit Nam Định	7.866.538.826	
- Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	5.746.670.600	
- Các đối tượng khác	5.471.990.163	
3.2. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
Cộng (3)	27.222.518.457	-
4. Trả trước cho người bán	31/12/2021	01/01/2021
	(VNĐ)	(VNĐ)
4.1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	630.695.205	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	113.454.372	-
- Ametek Process and Analytical Instruments Division	404.490.833	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu và Sản xuất Nội thất MAXVIET	112.750.000	
4.2. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng (4)	630.695.205	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Phải thu khác	31/12/2021	01/01/2021
	(VNĐ)	(VNĐ)
5.1. Phải thu khác ngắn hạn	21.814.644.473	-
- Phải thu khác	6.575.089.126	-
+ Phải thu khác: Hoạt động tài chính	599.843.901	-
<i> Phải thu khác từ dự thu lãi tiền gửi ngân hàng</i>	<i>495.891.920</i>	-
<i> Phải thu khác: Hoạt động tài chính</i>	<i>103.951.981</i>	-
+ Phải thu khác	5.975.245.225	-
<i> Phải thu khác từ bán hàng đang chờ ghi nhận sang công nợ phải thu khách hàng</i>	<i>5.828.156.115</i>	-
<i> Phải thu khác</i>	<i>147.089.110</i>	-
- Tạm ứng	974.116.752	-
- Thế chấp, Kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	14.265.438.595	-
5.2. Phải thu khác dài hạn	208.781.760	-
- Cầm cố, thế chấp, Ký quỹ, ký cược dài hạn	208.781.760	-
Cộng (5)	22.023.426.233	-
6. Hàng tồn kho	31/12/2021	01/01/2021
	(VNĐ)	(VNĐ)
- Chi phí SXKD dở dang ngắn hạn	4.023.358.944	-
Cộng (6)	4.023.358.944	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2021	01/01/2021
	(VNĐ)	(VNĐ)
7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	305.988.921	-
- Công cụ dụng cụ đồng dùng văn phòng xuất dùng	87.753.938	-
- Phí Bảo hiểm	6.901.983	-
<i> Chi phí trả trước khác phục vụ Dự án "Nhà máy sản xuất PP</i>		
<i> Filler Masterbatch/Compound từ bột PP của nhà máy Lọc dầu</i>	<i>211.333.000</i>	<i>-</i>
<i> Dung Quất"</i>		
7.2 Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ của HHDV	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	-	-
Cộng (7)	305.988.921	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. Tài sản cố định****8.1 Tài sản cố định Hữu hình**

(VNĐ)

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị, dụng cụ quản lý, TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
- Số dư 01/01/2021	-	-	-
+ Mua trong năm	-	-	-
+ Tăng do nhận từ Công ty PVChem-RT (*)	-	564.152.064	564.152.064
- Số dư 31/12/2021	-	564.152.064	564.152.064
Giá trị hao mòn lũy kế			
- Số dư 01/01/2021	-	-	-
+ Khấu hao trong năm	-	150.600.410	150.600.410
- Số dư 31/12/2021	-	150.600.410	150.600.410
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2021	-	-	-
- Tại ngày 31/12/2021	-	413.551.654	413.551.654

() Là tài sản cố định góp vốn tiếp nhận từ PVChem-RT theo Quyết định thành lập Công ty PVChem-Tech.***8.2 Tài sản cố định Vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số dư 01/01/2021	-	-	-	-
+ Mua trong năm	-	60.000.000	-	60.000.000
- Số dư 31/12/2021	-	60.000.000	-	60.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Số dư 01/01/2021	-	-	-	-
+ Khấu hao trong năm	-	15.000.000	-	15.000.000
- Số dư 31/12/2021	-	15.000.000	-	15.000.000
Giá trị còn lại				
- Tại ngày 01/01/2021	-	-	-	-
- Tại ngày 31/12/2021	-	45.000.000	-	45.000.000

9. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2021 (VNĐ)	01/01/2021 (VNĐ)
- Chi phí trả trước dài hạn	186.334.282	-
+ Chi phí trả trước dài hạn khác "Nội thất văn phòng tại tòa nhà IDMC 15 Phạm Hùng"	186.334.282	-
Cộng (9)	186.334.282	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Phải trả người bán	31/12/2021	01/01/2021
	(VNĐ)	(VNĐ)
10.1 Phải trả người bán ngắn hạn	31.820.509.523	-
Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty CP - Công ty kinh doanh sản phẩm khí	25.453.339.903	
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri	526.389.600	
Công ty TNHH An Thành Bicsol Singapore	5.058.239.381	
Các đối tượng khác	782.540.639	-
10.2 Phải trả người bán dài hạn	-	-
Cộng (10)	31.820.509.523	-
11. Người mua trả trước	31/12/2021	01/01/2021
	(VNĐ)	(VNĐ)
11.1 Người mua trả trước ngắn hạn	1.611.142.883	-
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu Khí - CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	458.642.883	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.152.500.000	
11.2 Người mua trả trước dài hạn	-	-
Cộng (11)	1.611.142.883	-
12. Thuế và các khoản nộp Nhà nước (VNĐ)		(VNĐ)

Chỉ tiêu	Đầu năm	Số phải nộp trong năm 2021	Số đã thực nộp trong năm 2021 hoặc được khấu trừ từ năm trước	Cuối năm
Các khoản phải nộp	-	10.030.585.060	8.875.504.256	1.155.080.804
Thuế GTGT phải nộp	-	9.019.988.289	8.223.445.847	796.542.442
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	407.885.557	80.844.711	327.040.846
Thuế thu nhập cá nhân	-	90.997.516	59.500.000	31.497.516
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.407.211	12.407.211	-
Cộng (12)	-	10.030.585.060	8.875.504.256	1.155.080.804

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Chi phí phải trả		31/12/2021	01/01/2021
		(VNĐ)	(VNĐ)
13.1 Ngắn hạn		2.265.833.182	-
Chi phí phải trả ngắn hạn		2.265.833.182	-
13.2 Dài hạn		-	-
Cộng (13)		2.265.833.182	-
14. Phải trả khác		31/12/2021	01/01/2021
		(VNĐ)	(VNĐ)
14.1 Phải trả khác ngắn hạn		37.791.419	-
Kinh phí công đoàn		25.384.192	-
Bảo hiểm xã hội		12.407.227	-
14.2 Phải trả khác dài hạn		-	-
Cộng (14)		37.791.419	-
15. Vốn chủ sở hữu			
15.1 Thay đổi vốn chủ sở hữu (Phụ lục số 1 - Trang số: 26)			
15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn thực góp (VNĐ)	
Vốn đầu tư	Theo GCN đăng ký DN (VNĐ)	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	30.000.000.000	30.000.000.000	-
Cộng (15)	30.000.000.000	30.000.000.000	-
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh			
1. Doanh thu		Năm nay	Năm trước
		(VNĐ)	(VNĐ)
Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		90.134.337.415	-
Trong đó:			
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		90.134.337.415	-
Cộng (1)		90.134.337.415	-
2. Giá vốn hàng bán		Năm nay	Năm trước
		(VNĐ)	(VNĐ)
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		86.689.439.852	-
Cộng (2)		86.689.439.852	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính		Năm nay	Năm trước
		(VNĐ)	(VNĐ)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay ngân hàng đã thu trong năm		303.620.141	-
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay ngân hàng dự thu trong năm		495.891.920	-
Cộng (3)		799.512.061	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN****cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

4. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	(VNĐ)	(VNĐ)
- Chi phúc lợi Quà tết Dương lịch theo Quy chế của Công ty	61.083.023	-
Cộng (4)	61.083.023	-
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	(VNĐ)	(VNĐ)
- Chi phí nhân viên quản lý	273.892.705	-
- Chi phí Nguyên vật liệu quản lý	13.522.000	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	450.447.235	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	15.000.000	-
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	259.289.513	-
- Chi phí bằng tiền khác	257.206.884	-
Cộng (5)	1.272.358.337	-
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	(VNĐ)	(VNĐ)
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (1)	2.910.968.264	-
- Các khoản TN không tính vào TN chịu thuế TNDN (2)	-	-
- Các khoản CP không được khấu trừ vào TN chịu thuế TNDN (3)	2.500.000	-
- Lỗ năm trước được trừ vào LN trước thuế (4)	-	-
- Số thu nhập chịu thuế TNDN trong năm (5=1-2+3-4)	2.913.468.264	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành (6) = (5) * tỷ lệ 14%	407.885.557	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (6)	407.885.557	-

Công ty là doanh nghiệp mới thành lập và theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ 19/10/2021, Công ty đạt doanh thu năm đầu tiên hoạt động dưới 200 tỷ đồng sẽ áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 14%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Các loại công cụ tài chính**7.1 Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ (VNĐ)		Giá trị hợp lý (VNĐ)	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Tiền và các khoản - tương đương tiền	6.021.601.274	-	6.021.601.274	-
- Phải thu khách hàng	27.222.518.457	-	27.222.518.457	-
- Trả trước cho người - bán	630.695.205	-	630.695.205	-
- Phải thu khác	7.757.987.638	-	7.757.987.638	-
- Đầu tư tài chính ngắn - hạn	7.400.000.000	-	7.400.000.000	-
- Các khoản ký quỹ	14.265.438.595	-	14.265.438.595	-
- Tài sản tài chính khác	492.323.203	-	492.323.203	-
Tổng cộng	63.790.564.372	-	63.790.564.372	-

7.2 Công nợ tài chính

	Giá trị ghi sổ (VNĐ)		Giá trị hợp lý (VNĐ)	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
- Phải trả người bán	31.820.509.523	-	31.820.509.523	-
- Người mua trả trước	1.611.142.883	-	1.611.142.883	-
- Thuế phải nộp	1.155.080.804	-	1.155.080.804	-
- Chi phí phải trả	2.265.833.182	-	2.265.833.182	-
- Phải trả người lao - động	429.034.452	-	429.034.452	-
- Phải trả khác	37.791.419	-	37.791.419	-
Tổng cộng	37.319.392.263	-	37.319.392.263	-

8. Các bên liên quan**8.1. Danh sách bên liên quan:**

	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PVChem)	Công ty mẹ sở hữu 100% vốn
- CN Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ dầu khí - CTCP - Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và dịch vụ kỹ thuật (PVChem - RT)	Cùng Công ty mẹ

8.2. Trong năm Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các

- Doanh thu bán hàng	5.238.337.793	-
<i>Bán hàng cho Công ty mẹ là PVChem</i>	708.571.429	
<i>Bán hàng cho PVChem - RT</i>	4.529.766.364	
- Doanh thu hoạt động tài chính	103.951.981	-
<i>Lãi tiền gửi ghi nhận trước từ PVChem - RT</i>	103.951.981	
Số dư với các bên liên quan		
- Các khoản phải thu khác từ Công ty mẹ PVChem	134.089.111	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

1. Tiền và tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
	(VNĐ)	(VNĐ)
1.1. Tiền mặt	17.858.122	-
1.2. Tiền gửi ngân hàng	4.003.743.152	-
1.3. Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
Cộng	6.021.601.274	-

VIII Những thông tin khác**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện quan trọng nào có thể ảnh hưởng và làm cho các số liệu trong báo cáo tài chính đã kiểm toán bị phản ánh sai lệch.

2. Tình hình hoạt động liên tục của Công ty

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

3. Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
3.1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
- Bố trí cơ cấu tài sản			
+ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	98,750	
+ Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	1,250	
- Bố trí cơ cấu vốn			
+ Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	54,662	
+ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	45,338	
3.2. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	1,829	
- Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,807	
- Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,161	
3.3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,230	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	2,777	
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,264	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,666	
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	8,087	

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng
Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Thông tin so sánh

Công ty TNHH PVChem - Tech thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109467561 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu tại ngày 24/12/2020, Công ty thực hiện gộp kỳ hoạt động năm đầu tiên từ ngày 24/12/2020 đến hết ngày 31/12/2021 nên không có số liệu so sánh.

Người lập


Đào Thị Trinh

Kế toán trưởng


Hoàng Tiên Thành

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Giám đốc




VŨ AN

CÔNG TY TNHH PVCHEM - TECH**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm TP. Hà Nội, Việt Nam

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

15. Vốn chủ sở hữu**15.1 Thay đổi vốn chủ sở hữu**

Phụ lục số 1

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm trước	-				-
- Lãi trong năm trước					-
- Tăng khác					-
- Giảm vốn trong năm trước	-				-
- Lỗ trong năm trước					-
- Giảm khác					-
2. Số dư cuối năm trước	-	-	-	-	-
3. Số dư đầu năm nay	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm nay	30.000.000.000				30.000.000.000
- Lãi trong năm nay				2.503.082.707	2.503.082.707
- Tăng khác					-
- Giảm vốn trong năm nay	-				-
- Lỗ trong năm nay					-
- Tạm tính lãi trong năm phải chuyển Tổng Công ty				(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
4. Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	-	-	953.082.707	30.953.082.707